Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 20.05.2022 10:51:05 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1138 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 19 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh;

Căn cứ Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2794/TTr-STNMT ngày 05 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2022 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2013 - 2020.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hiệu quả; hàng năm, tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện và gửi báo cáo về UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động-Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du

lịch, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Ngoại vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TNMT;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Trần Văn Chiến

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1139./QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và đẩy mạnh công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường có ý nghĩa sống còn, gắn kết với sự phát triển bền vững của tỉnh; là nền tảng để hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng xã hội thân thiện với môi trường, hướng tới nền kinh tế xanh và phát triển bền vững.

- Biến đổi khí hậu là thách thức nghiêm trọng nhất đối với toàn nhân loại, ảnh hưởng sâu sắc và làm thay đổi toàn diện đời sống xã hội toàn cầu. Để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu phải tiến hành đồng thời các hoạt động thích ứng và giảm nhẹ, trong đó thích ứng với biến đổi khí hậu là trọng tâm và coi giảm nhẹ khí nhà kính là cơ hội để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường theo hướng bền vững.

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh bảo vệ tài nguyên, môi trường phải trên cơ sở tiếp cận quản lý tổng hợp, liên ngành, liên vùng, tính đủ lợi ích tổng thể và đảm bảo lợi ích hài hòa giữa các bên liên quan, giữa các thế hệ; dựa trên nội lực là chính, đồng thời phát huy hiệu quả nguồn lực hỗ trợ và kinh nghiệm quốc tế và ứng dụng khoa học, công nghệ phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và đẩy mạnh công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường là quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi tổ chức, cá nhân và cộng đồng dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia, giám sát của toàn xã hội.

- Ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2022-2030 tầm nhìn 2050 phù hợp và được lồng ghép vào kế hoạch hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tây Ninh, Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (NAP) và Kế hoạch quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2022-2030 tầm nhìn 2050.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

- Xác định được các thách thức và cơ hội của biến đổi khí hậu đối với quá trình phát triển của ngành, lĩnh vực và địa phương trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Xác định được các giải pháp ưu tiên nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, lộ trình triển khai và nguồn lực thực hiện cho từng giai đoạn (2022- 2025, 2026-2030), tầm nhìn đến 2050.

- Rà soát, bổ sung, lồng ghép yếu tố biến đổi khí hậu theo Kịch bản biến đổi khí hậu trong các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh Tây Ninh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2022 - 2030

- Về thích ứng với biến đổi khí hậu:

+ Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo thiên tai có độ tin cậy cao, đánh giá được các nguy cơ thiên tai để có giải pháp phòng ngừa kịp thời.

+ Lồng ghép phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện của tỉnh.

+ Nâng cao nhận thức, hình thành ý thức thường trực ứng phó với biến đổi khí hậu của các ngành, các cấp, cộng đồng dân cư và người dân: trên 80% cộng đồng dân cư và 100% công chức, viên chức nhà nước hiểu biết cơ bản về biến đổi khí hậu.

+ Chủ động phương án, điều kiện phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai phù hợp với từng ngành, từng lĩnh vực nhất là những vùng dễ bị tác động của thiên tai. Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống hạ tầng, công trình thủy lợi, kinh tế - xã hội, cộng đồng dân cư trước tác động của biến đổi khí hậu.

- Về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính:

+ Giảm 8% tổng lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường.

+ Phát huy và đẩy mạnh việc khai thác, sử dụng năng lượng mới và tái tạo.

+ Đưa giảm nhẹ phát thải và hấp thụ khí nhà kính thành các chỉ tiêu trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2050

- Về thích ứng biến đổi khí hậu:

+ Chủ động trong công tác phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Lồng ghép phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực.

+ 100% cán bộ, công chức được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; trên 80% người dân được nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng phó biến đổi khí hậu.

- Về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính:

+ Giảm 25% tổng lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường nếu nhận được sự hỗ trợ quốc tế, chủ động công tác điều tra, kiểm kê, và thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

+ Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả, sử dụng năng lượng mới, sử dụng công nghệ mới để sản xuất năng lượng tái tạo (3) Đưa giảm nhẹ phát thải và hấp thụ khí nhà kính thành các chỉ tiêu trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. ĐỊNH HƯỚNG ƯU TIÊN VÀ GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Định hướng ưu tiên

1.1. Giai đoạn 2022-2025

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về biến đổi khí hậu và ứng phó với những tác động của biến đổi khí hậu.

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu; tăng cường nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới thân thiện với môi trường; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, khoanh vùng phát triển cây trồng chính, cây trồng chủ lực, cây trồng trồng mới và nông nghiệp hữu cơ phù hợp với điều kiện địa phương và có tính cạnh tranh.

- Xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh.

- Đánh giá mức độ rủi ro và tính dễ bị tổn thương, xác định nhu cầu tăng cường khả năng chống chịu và năng lực thích ứng; đề xuất các giải pháp giảm tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu của tỉnh.

- Xây dựng các chương trình, dự án liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu cho từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể, góp phần vào thực hiện việc ứng phó với biến đổi khí hậu một cách hiệu quả.

- Ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái, phục hồi tài nguyên, quản lý và khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên đáp ứng nhu cầu của các ngành, cải thiện chất lượng môi trường và phòng chống thiên tai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân.

1.2. Giai đoạn 2026-2030

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý các cấp và cộng đồng dân cư về biến đổi khí hậu và ứng phó với những tác động của biến đổi khí hậu.

- Nâng cao năng lực ứng phó và hình thành ý thức thường trực ứng phó với biến đổi khí hậu của các ngành, các cấp và cộng đồng dân cư; nâng cao năng lực và khả năng lồng ghép phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, tích hợp các yếu tố về biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai; đánh giá được các nguy cơ thiên tai.

- Xây dựng các chương trình, dự án liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể, góp phần vào thực hiện việc ứng phó với biến đổi khí hậu một cách hiệu quả.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái, phục hồi các nguồn tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.3. Giai đoạn sau 2030 và tầm nhìn 2050

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức chủ động của cán bộ quản lý các cấp và cộng đồng dân cư địa phương trong ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách, chiến lược tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với định hướng phát triển mới nhằm xây dựng và củng cố nền kinh tế các-bon thấp có khả năng chống chịu và thích ứng cao với các tác động của biến đổi khí hậu.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, khẳng định sự chủ động, nỗ lực của Tây Ninh trong ứng phó với biến đổi khí hậu, vận động hỗ trợ quốc tế về tăng cường năng lực, tài chính, công nghệ để Tây Ninh ứng phó hiệu quả với các tác động của biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục xây dựng các chương trình, dự án liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể, góp phần vào thực hiện việc ứng phó với biến đổi khí hậu một cách hiệu quả.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái, phục hồi các nguồn tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Nhóm giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu

2.1. Lĩnh vực tài nguyên nước

- Tập trung bảo vệ, phục hồi tài nguyên nước: từ nay đến năm 2030 ngăn chặn được tình trạng suy giảm, suy thoái tài nguyên nước; quản lý hiệu quả tài nguyên nước nhằm đáp ứng nhu cầu nước của các ngành, cải thiện chất lượng môi trường và phòng chống thiên tai do nước gây ra phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân. Lập và triển khai quy hoạch tài nguyên nước và lưu vực sông; xác định các khu vực cần phải bảo vệ nghiêm ngặt; quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác nước ngầm; chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước; tăng cường các giải pháp quản lý, điều tiết, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước, chú trọng các vùng có nguy cơ hạn hán, thiếu nước, chịu tác động bất lợi của xâm nhập mặn. Bảo đảm an ninh tài nguyên nước; hợp tác, chia sẻ lợi ích bảo đảm công bằng và hợp lý trong khai thác, sử dụng, bảo vệ, phát triển nguồn nước liên quốc gia.

- Xây dựng hệ thống công trình thuỷ lợi, nâng cấp sửa chữa hồ đập, hệ thống kênh tưới, tiêu trước, trong và sau mùa mưa bão để đảm bảo cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt và các dịch vụ khác, đồng thời đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời trong mùa mưa bão, hạn chế ngập lụt.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, công nghệ và áp dụng công nghệ tiên tiến trong điều tra, khảo sát, quan trắc, giám sát, bảo vệ, khai thác tài nguyên nước, chế độ và nhu cầu nước của các ngành có liên quan.

- Nghiên cứu và áp dụng phương pháp quản lý tổng hợp tài nguyên nước, phòng chống và khắc phục hậu quả của các thiên tai do nước gây ra trong điều kiện biến đổi khí hậu và thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin liên quan đến quản lý tài nguyên nước và tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước tỉnh Tây Ninh.

2.2. Lĩnh vực tài nguyên đất và tài nguyên khoáng sản

- Khai thác hợp lý, hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng, đất bồi ven sông cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp; quản lý chặt chẽ rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. Thúc đẩy, khuyến khích phát triển đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất theo mô hình tuần hoàn, bảo đảm quỹ đất cho phát triển các khu xử lý, tái chế chất thải. Lựa chọn công nghệ tiên tiến trong thu hút dự án có sử dụng đất với các khu vực nhạy cảm về môi trường. Di dời các điểm, khu dân cư, các cơ sở sản xuất ra khỏi các vùng, khu vực có nguy cơ thiên tai, tai biến địa chất, sạt lở, sụt lún. Tăng cường các giải pháp cải tạo, bảo vệ môi trường đất, nước và đa dạng sinh học, đặc biệt đối với đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất, ô nhiễm đất.

- Quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên khoáng sản sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường, bảo đảm phòng, chống sạt lở, sụt lún và suy thoái nước ngầm.

2.3. Lĩnh vực nông nghiệp và an ninh lương thực

- Thực hiện chuyển dịch mùa vụ kết hợp với thay đổi giống cây trồng để tránh khô hạn. Tăng cường xây dựng, cải tạo các công trình trữ nước để phục vụ tưới chống hạn vào mùa khô.

- Tập trung khắc phục tình trạng hạn hán hiện nay. Lựa chọn các giống cây có thời gian sinh trưởng ngắn, khả năng chịu hạn cao để tránh giảm năng suất. Tiếp tục tiến hành đa dạng hóa cây trồng (bằng các loài dược liệu); cây ăn quả thích nghi và có giá trị kinh tế cao; có thị trường bao tiêu sản phẩm ổn định gắn với phát triển doanh nghiệp nông nghiệp và hợp tác xã.

- Đẩy mạnh nghiên cứu xác định và khoanh vùng khu vực phát triển cây trồng chính, cây trồng chủ lực, cây trồng mới có giá trị cạnh tranh và nông nghiệp hữu cơ phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao vị thế nông nghiệp hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội bền vững và đảm bảo an ninh lương thực.

- Tăng cường các giải pháp phòng tránh và xử lý các dịch bệnh, đặc biệt lưu ý trong giai đoạn nhiệt độ nắng nóng kéo dài. Tăng cường truyền thông cho người dân công tác phòng tránh dịch bệnh. Thực hiện tiêm phòng đủ liều cho đàn vật nuôi. Dự trữ thuốc thú y để có khả năng khống chế dịch bệnh và cần triển khai trên toàn bộ các huyện, thị xã và thành phố của tỉnh.

- Từ nay đến năm 2030, tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thuỷ sản bền vững; bảo đảm an ninh lương thực và cân bằng dinh dưỡng quốc gia; quy hoạch vùng sản xuất, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô

lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và các tiến bộ khoa học; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển nông nghiệp bền vững phải dựa vào lợi thế tự nhiên của tỉnh và nhu cầu của thị trường; đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có giá trị gia tăng cao; chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản.

2.4. Rừng và các hệ sinh thái

- Xác định các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực lâm nghiệp trên phạm toàn tỉnh và các vùng sinh thái, các hệ sinh thái dễ bị tổn thương. Những vấn đề ưu tiên cần tập trung là quản lý rừng bền vững nhằm giảm thiểu mức độ tổn thương cho các hệ sinh thái và gia tăng độ che phủ của rừng trong bối cảnh biến đổi khí hậu; nâng cao chất lượng rừng; xây dựng và triển khai các chiến lược, kế hoạch quản lý và phòng chống cháy rừng, sâu bệnh hại rừng; phục hồi rừng và chống mất rừng; mở rộng các vùng, phân khu bảo vệ và kết nối chúng với các khu vực thích hợp nhằm mở rộng khu cư trú, hành lang đa dạng sinh học và có phương án giảm thiểu thiệt hại về rừng do cháy rừng gây ra.

- Phát triển xen canh cây trồng dược liệu và cây trồng có giá trị kinh tế cao trong phát triển rừng của tỉnh.

- Tập trung bảo vệ khoanh nuôi tái sinh rừng kết hợp trồng rừng mới để phát triển lâm nghiệp bền vững.

- Tiếp tục chọn tạo các loài cây bản địa có giá trị kinh tế cao nhưng có đặc tính sinh học có khả năng chịu được biên độ dao động lớn của nhiệt độ trong thời gian dài.

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch thực hiện Đề án "Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025" trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Từ nay đến năm 2030, tập trung bảo vệ, khôi phục rừng; củng cố và kiện toàn hệ thống đánh giá, dự báo, theo dõi, giám sát và ứng phó khẩn cấp với cháy rừng; tăng tỷ lệ cây xanh bình quân đầu người tại các đô thị. Thiết lập và mở rộng hoạt động của các khu bảo tồn biển, các khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; thực hiện kiểm kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học.

2.5. Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu

- Thực hiện đánh giá tác động, mức độ dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trong quy hoạch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, khu dân cư và khu tái định cư trên cơ sở phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản biến đổi khí hậu.

- Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, chú trọng các công trình đa mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, các công trình liên vùng; nâng cao khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của các ngành, lĩnh vực.

- Rà soát, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội, khu đô thị, khu dân cư, phù hợp với các kịch bản biến đổi khí hậu.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện quy hoạch xây dựng, có khả năng tích hợp, lồng ghép các yếu tố ứng phó với biến đổi khí hậu trong lập và triển khai quy hoạch.

- Đề xuất cốt nền và mật độ xây dựng phù hợp; kết cấu và kiến trúc công trình phải đảm bảo đáp ứng được yêu cầu chống chịu được gió, bão, lũ có cường độ lớn đối với các dự án phát triển đô thị tại khu vực thấp, trũng, có nguy cơ chịu tác động của biến đổi khí hậu.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, phát triển đô thị: Tôn trọng địa hình tự nhiên, hạn chế thay đổi địa hình, nghiêm cấm việc tự ý đào núi, ngăn, lấp hoặc thay đổi các dòng chảy tự nhiên của sông suối; Điều chỉnh hệ thống thoát nước trong các khu dân cư, khu đô thị để đảm bảo ứng phó với thoát nước khi có mưa lũ lớn xảy ra; Tích hợp nội dung ứng phó biến đổi khí hậu vào quy hoạch và việc xây dựng chương trình phát triển đô thị.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật: Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, nạo vét sông, suối; hệ thống thoát nước đô thị, hệ thống thoát nước thải, kênh tiêu thoát nước.

- Hình thành hệ thống kiểm soát, hạn chế lũ, lụt, ngập úng trong đô thị: Hình thành các hồ chứa điều tiết ngập lụt, khai thông, nạo vét, cải tạo, gia cố, nắn dòng cho các đường thoát nước đô thị; xây dựng đê, kè, tường chắn lũ, phân dòng lũ, công trình chứa nước ngầm hiện đại quy mô lớn.

- Triển khai thực hiện dự án: Hạ tầng đô thị thích ứng biến đổi khí hậu thị trấn Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Từ nay đến năm 2030, ưu tiên xây dựng các công trình xanh và phát triển cây xanh đô thị, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn, lũ cho các đô thị; nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển, hoàn thiện mạng lưới đường bộ, hệ thống giao thông kết nối. Hoàn thành các công trình hạ tầng trọng yếu ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập lụt ở thành phố Tây Ninh và các huyện. Xây dựng mới một số hồ chứa lớn đa mục tiêu tại các vùng hạn hán, vùng khan hiếm nước.

2.6. Lĩnh vực y tế và sức khỏe cộng đồng

- Tăng cường các giải pháp cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn, đặc biệt là những vùng chịu ảnh hưởng nhiều bởi thiên tai. Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch bệnh và các bệnh mới

phát sinh do biến đổi khí hậu. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường; đầu tư phát triển công nghệ, trang thiết bị trong dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do biến đổi khí hậu. Xây dựng và nhân rộng các mô hình hệ thống y tế nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nâng cấp, cải tạo, xây mới cơ sở hạ tầng phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Tăng cường phòng chống các dịch bệnh do biến đổi khí hậu; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ y tế các địa phương trong bối cảnh biến đổi khí hậu và đặc biệt là năng lực ứng phó khủng hoảng sau thiên tai lớn.

- Tăng cường công tác giáo dục cộng đồng về bảo vệ sức khỏe trong các điều kiện diễn biến bất thường của khí hậu.

- Từ nay đến năm 2030, tập trung tăng cường hệ thống cơ sở hạ tầng cấp nước và năng lực cung cấp nước sạch cho dân cư; phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương, các vùng dân tộc ít người; tăng cường hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe.

2.7. Lĩnh vực công nghiệp

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, làm tốt công tác cấp phép trong khoáng sản.

- Rà soát các khu, cụm công nghiệp không đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường để đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo yêu cầu.

- Từ nay đến năm 2030, tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030; phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của cả nước, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, sản phẩm. Cơ cấu lại công nghiệp theo hướng nhanh, bền vững, hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính nhằm hướng tới thực hiện Thỏa thuận Paris và cam kết của Việt Nam về giảm phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 (Net Zero) tại COP26.

2.8. Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới

- Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, tiếp cận các nguồn vốn cho người dân ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu.

- Nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho cán bộ, hội viên phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân, đặc biệt là người dân ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai. Tăng sự tham gia của phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân trong các hoạt động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Từ nay đến năm 2030, tăng cường vai trò và sự tham gia của phụ nữ trong công tác thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai; tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu cho thanh thiếu niên qua nền tảng số; hỗ trợ và đẩy mạnh các chiến dịch tuyên truyền, các phong trào hoạt động nâng cao nhận thức

của thanh thiếu niên về thách thức của biến đổi khí hậu và thực hiện các giải pháp trong phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Nhóm giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

3.1. Kiểm kê khí nhà kính và thúc đẩy phát triển thị trường các-bon

- Thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp tỉnh, góp phần giám sát phát thải và thúc đẩy phát triển thị trường các-bon cấp quốc gia. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trực tuyến về kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định hoạt động giảm phát thải khí nhà kính.

- Tiến hành kiểm kê khí nhà kính các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Xây dựng tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính từ năm 2026.

- Xây dựng hệ số phát thải khí nhà kính đặc trưng tỉnh cho các nguồn phát thải chủ yếu chiếm 0,1% tổng phát thải khí nhà kính; hằng năm cập nhật danh mục hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan 30% so với mức phát thải khí mê-tan năm 2020.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, loại trừ các chất gây hiệu ứng khí nhà kính, các chất làm suy giảm tầng ô-dôn đến năm 2030.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình quốc gia đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

3.2. Thúc đẩy sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo trong công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải

- Thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng các-bon thấp, tái cấu trúc các ngành kinh tế theo hướng ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực tiêu tốn ít năng lượng; từng bước hạn chế phát triển các nhóm ngành kinh tế tiêu tốn nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường, hiệu quả kinh tế thấp.

- Đẩy mạnh thực hiện các chương trình tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, nghiên cứu, ứng dụng đổi mới công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, đời sống dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, dự án về phát triển, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học, năng lượng mới.

- Các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp trong tỉnh thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động hằng ngày và trong đầu tư mới, mua sắm công, bao gồm các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, các công trình xanh, làm mát bền vững, sử dụng xe điện chạy pin và các thiết bị ít tiêu hao năng lượng.

3.3. Đẩy mạnh các hành động giảm nhẹ khí nhà kính và tăng cường các bể hấp thu khí nhà kính.

- Đẩy mạnh các biện pháp kỹ thuật canh tác nông nghiệp bền vững nhằm giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp.

- Triển khai các quy hoạch, phương án, công nghệ quản lý, xử lý chất thải và tái sử dụng nước thải nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn

- Thay đổi phương thức canh tác nông nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ, đảm bảo phát triển bền vững, an ninh lương thực và xóa đói giảm nghèo.

- Đẩy mạnh tái sinh và trồng rừng đầu nguồn; rừng tự nhiên, các hệ sinh thái rừng, các bể hấp thụ các-bon trong tự nhiên.

- Khuyến khích các dự án đầu tư mới và các dự án đã đầu tư chuyển đổi, áp dụng các công nghệ, quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ ít phát thải khí nhà kính và tham gia vào các cơ chế, phương thức hợp tác về giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và với điều kiện, hoạt động của mình.

4. Nhóm giải pháp hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu

4.1. Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng

- Thường xuyên kiểm tra, cập nhật sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với các di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng trên toàn tỉnh, đặc biệt là đối với các các di tích, danh thắng đã được xếp hạng cấp quốc gia; đề ra các biện pháp tu bổ, tôn tạo cho phù hợp.

- Tăng cường sử dụng các chất liệu, phương thức phù hợp trong việc tu bổ, phục dựng bảo quản các hiện vật trong bảo tàng, di tích và nhà truyền thống.

- Tuyên truyền xây dựng lối sống thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí CO_2, sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên trong hệ thống các nhà hàng, khách sạn, các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Đa dạng hóa phương thức thông tin; nâng cao chất lượng truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về dự báo khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai cho cơ quan chính quyền các cấp, tổ chức và hộ gia đình.

- Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông, tổ chức các lớp tập huấn cho chính quyền các cấp, tổ chức xã hội và cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, phổ biến, cập nhật kiến thức, thông tin về thiên tai, biến đổi khí hậu, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính hướng tới phát thải ròng bằng "0", thông tin về các công nghệ của tương lai và các kỹ năng có liên quan; hướng dẫn, phổ biến kiến thức, tập huấn kỹ năng về phòng, chống thiên tai, nhất là kỹ năng ứng phó khi có tình huống thiên tai nghiêm trọng, phức tạp.

- Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, tri thức địa phương, đặc biệt chú trọng vai trò của nghệ nhân trong ứng phó với biến đổi khí hậu; tuyên truyền, nhân

rộng các hoạt động, mô hình ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tái tạo, sử dụng năng lượng sạch, thích ứng với biến đổi khí hậu và ít phát thải khí nhà kính, mô hình cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình cộng đồng ít phát thải khí nhà kính, mô hình tái chế, tái sử dụng chất thải.

- Bổ sung, nâng cao, cập nhật kiến thức về thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm phát thải khí nhà kính vào các chương trình giáo dục phổ thông; thúc đẩy lối sống ít phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu góp phần hình thành lối sống văn minh, có trách nhiệm bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

- Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng, trong phát triển rừng và lâm nghiệp bền vững, phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn, mô hình sinh kế dựa vào cộng đồng, dựa vào tự nhiên và các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu đồng thời tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Phổ biến thông tin, khuyến khích dán nhãn các-bon, sử dụng sản phẩm, dịch vụ dùng năng lượng sạch, phát thải ít các-bon, thân thiện với môi trường thay cho sản phẩm, dịch vụ sử dụng năng lượng hoá thạch.

4.2. Nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường năng lực ứng phó biến đổi khí hậu, đặc biệt là cho cán bộ quản lý trực tiếp làm công tác về biến đổi khí hậu, nông nghiệp, xây dựng- đô thị và công nghiệp- năng lượng. Xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới, chú trọng đội ngũ chuyên gia kỹ thuật, phụ nữ, thanh thiếu niên và các nhóm dễ bị tổn thương.

- Xây dựng và triển khai chương trình giáo dục và đào tạo tích hợp nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu ở các cấp học; nâng cao chất lượng các chương trình giảng dạy về ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường năng lực cho các doanh nghiệp trong tiếp cận, tham gia triển khai các chương trình, dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon.

- Tăng cường công tác nghiên cứu, khảo sát, thống kê số liệu, định kỳ dự báo nhu cầu và khả năng cung ứng nguồn nhân lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Phát triển đội ngũ chuyên gia chất lượng cao về kiểm kê khí nhà kính, thẩm định giảm phát thải khí nhà kính, phát triển thị trường các-bon, bảo vệ tầng ô-dôn, thích ứng với biến đổi khí hậu đáp ứng yêu cầu quản lý và phù hợp với lộ trình, quy định trong nước và các điều ước quốc tế về biến đổi khí hậu mà Việt Nam là thành viên.

4.3. Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu; tăng cường công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường, biến đổi khí hậu, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai, thời tiết bất lợi, thống nhất từ cấp tỉnh đến các ngành, các địa phương.

- Thực hiện đánh giá tác động tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đối với các ngành, lĩnh vực, kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Dự báo và cảnh báo sớm:

+ Tăng cường đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng, nhất là đối với mưa, lũ, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông.

+ Nâng cấp, hiện đại hóa công nghệ giám sát, phân tích, dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai; ứng dụng các công nghệ dự báo tiên tiến, hiện đại; ưu tiên phát triển công nghệ dự báo thiên tai và dự báo tác động.

- Công trình phòng chống thiên tai:

+ Thực hiện các giải pháp phòng chống thiên tai kịp thời và hiệu quả, giảm thiểu những rủi ro trước tác động của biến đổi khí hậu, chú trọng các vùng có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của lũ, ngập lụt, sạt lở đất, hạn hán; phòng, tránh, ngăn chặn, hạn chế tác động của sạt lở bờ sông.

+ Củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê sông, hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện bảo đảm chủ động phòng, chống lũ theo mức thiết kế và an toàn trước tác động gia tăng do biến đổi khí hậu; ưu tiên bảo đảm an toàn cho hệ thống hồ, đập, đê sông.

+ Xây dựng, củng cố công trình phòng, chống sạt lở bờ sông tại những khu vực sạt lở diễn biến phức tạp, uy hiếp nghiêm trọng công trình đê điều, khu tập trung dân cư và cơ sở hạ tầng quan trọng; áp dụng các giải pháp phi công trình trong phòng chống sạt lở và bảo vệ bờ sông.

+ Tăng cường năng lực phòng chống sạt lở đất, phòng chống lũ lớn và lũ cực đoan; phòng chống tác hại của hạn hán và xâm nhập mặn.

- Di dời dân ở khu vực có rủi ro cao trước tác động của biến đổi khí hậu:

+ Quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ, xói lở bờ sông hoặc có nguy cơ xảy ra sạt lở đất; những nơi chưa thể di dời được cần được theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro khi xảy ra thiên tai.

+ Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương tại các vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan và thiên tai; phát triển và xây dựng nhà an toàn đối với các cực đoan khí hậu gắn với xây dựng nông thôn mới.

+ Xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu, công trình phòng, chống thiên tai tại những vùng thường xuyên xảy ra thiên tai; xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp với sơ tán nhằm bảo đảm an toàn cho người dân.

+ Tăng cường năng lực cho các lực lượng tìm kiếm, cứu hộ - cứu nạn, bảo đảm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội.

4.4. Lĩnh vực khoa học và công nghệ

- Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ triển khai mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm thực hiện mục tiêu quốc gia đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

- Thúc đẩy nghiên cứu đề xuất chính sách nhằm tháo gỡ rào cản để doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu ứng phó với biến đổi khí hậu; thúc đẩy nghiên cứu và phát triển tại các doanh nghiệp, tập đoàn về phát triển phát thải thấp, đổi mới sáng tạo cho tăng trưởng xanh, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp; hình thành các tập đoàn lớn có năng lực mạnh về nghiên cứu khoa học và làm chủ công nghệ nguồn.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ, ưu tiên tập trung vào công nghệ cao, công nghệ mới, hiện đại trong chuyển đổi sản xuất năng lượng theo hướng sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; sử dụng nhiên liệu, vật liệu mới ít phát thải, thân thiện với khí hậu; xử lý chất thải; thu giữ, chôn lấp các-bon; quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên; phát triển, ứng dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới, lưu trữ năng lượng; tiếp thu, ứng dụng, phát triển công nghệ lò phản ứng hạt nhân; phát triển các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ứng dụng hiệu quả các công nghệ điện toán đám mây (cloud computing), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) ... trong xây dựng và triển khai các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo trong dự tính, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống tự nhiên và xã hội nhằm góp phần chuyển đổi những thách thức thành cơ hội phát triển và nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng và nhân rộng các hoạt động, mô hình ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tái tạo, sử dụng năng lượng sạch, thích ứng với biến đổi khí hậu và ít phát thải khí nhà kính.

- Tăng cường lồng ghép việc nghiên cứu khoa học, giải pháp ứng dụng công nghệ về giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện của tỉnh vào các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và thực hiện các giải pháp đồng lợi ích trong ứng phó với biến đổi khí hậu, nhằm đạt mục tiêu phát thải ròng bằng "0" bảo đảm hài hòa, đồng lợi ích với thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ưu tiên nghiên cứu và triển khai thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu đồng lợi ích với giảm phát thải khí nhà kính. Đẩy mạnh các hoạt động đem lại hài hòa đồng lợi ích như: phát triển và bảo vệ rừng; chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi; chuyển đổi sử dụng đất trồng lúa sang các mục đích khác.

4.5. Huy động nguồn lực tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu

- Chủ động đề xuất và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính từ Trung ương cấp cho thực hiện các nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích, tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, người dân, đặc biệt là phụ nữ, thanh thiếu niên, đồng bào dân tộc thiểu số trong thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, xây dựng cộng đồng phát thải thấp, quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với phát triển sinh kế bền vững.

- Xây dựng quy trình phân bổ ngân sách và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách trung hạn 3 năm và dự toán ngân sách hằng năm đảo bảo phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực ngân sách nhà nước cho các mục tiêu và hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc sử dụng các nguồn hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại, vay ưu đãi để thực hiện các công trình, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu có đồng lợi ích với phát triển kinh tế - xã hội và giảm phát thải khí nhà kính.

- Xây dựng, áp dụng khung chính sách về khuyến khích và ưu đãi đầu tư, cơ chế và các công cụ tài chính nhằm khơi thông nguồn lực xã hội, huy động hiệu quả nguồn lực tài chính của khối doanh nghiệp cho ứng phó biến đổi khí hậu; xác định các chương trình, dự án, nhiệm vụ mang lại hiệu quả kinh tế cao và đóng góp thực hiện mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính để doanh nghiệp thực hiện thông qua các hình thức hợp tác giữa nhà nước và doanh nghiệp, giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, ưu tiên các dự án áp dụng công nghệ, giải pháp chuyển đổi sử dụng từ năng lượng hoá thạch sang năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu suất năng lượng.

- Rà soát và tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục, tạo thuận lợi để thu hút các dòng vốn đầu tư, thu hút các tập đoàn quốc tế, tập đoàn đa quốc gia vào hợp tác và triển khai các dự án, đặc biệt là các dự án chuyển đổi sản xuất và tiêu thụ năng lượng; ưu tiên sử dụng các nguồn vốn vay ưu đãi, ODA, hỗ trợ kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ cho ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng và triển khai nhân rộng các mô hình hợp tác đầu tư trong các lĩnh vực.

- Thực hiện giám sát các nguồn tài chính, hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với pháp luật Việt Nam và yêu cầu của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu đề xuất hình thành Quỹ giảm phát thải khí nhà kính, Quỹ thích ứng với biến đổi khí hậu và phát huy hiệu quả Quỹ phòng chống thiên tai.

4.6. Tăng cường hợp tác quốc tế

- Thúc đẩy hoạt động ngoại giao khí hậu, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, kết nối với các tổ chức quốc tế, các chiến dịch quốc tế nhằm trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng quản lý và huy động tối đa hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho trong ứng phó với biến đổi khí hậu trên cơ sở bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi.

- Chủ động tham gia thực hiện đầy đủ vào nghĩa vụ quốc gia tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và các điều ước quốc tế khác về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn mà Việt Nam là thành viên góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Thúc đẩy hợp tác, nghiên cứu, áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính có tiềm năng như thu và lưu trữ các-bon, phát triển năng lượng hydro xanh, pin năng lượng, năng lượng hạt nhân và các nguồn năng lượng mới có tiềm năng khác; thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu; dự báo, cảnh báo và có giải pháp ứng phó phù hợp với tác động xuyên biên giới của các hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu trên thế giới.

- Chủ động vận động và sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ của quốc tế, bao gồm tài chính, kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ thông qua hợp tác song phương và đa phương; tham gia các hoạt động hợp tác khu vực và toàn cầu về biến đổi khí hậu.

5. Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

5.1. Cấp độ rủi ro thiên tai

- Bão và áp thấp nhiệt đới: Tỉnh Tây Ninh ảnh hưởng gián tiếp bão, áp thấp nhiệt đới vì vậy khó xác định cấp độ rủi ro thiên tai

- Cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn: cấp 1

- Cấp độ rủi ro thiên tai do lốc, sét: cấp 1

- Cấp độ rủi ro thiên tai do nắng nóng: Tỉnh Tây Ninh bị ảnh hưởng do nắng nóng không lớn, do vậy chưa có cấp độ rủi ro thiên tai.

5.2. Phương châm ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai

Thực hiện phương châm 4 tại chỗ (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ).

5.3. Nội dung ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai

a) Ứng phó với bão và áp thấp nhiệt đới trên biển Đông

- Vị trị tâm bão, áp thấp nhiệt đới trên biển Đông: Các cơ quan, tổ chức được phân công (cơ quan làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai, UBND cấp huyện, xã và các cơ quan, tổ chức khác) theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, ATNĐ; cập nhật thông tin từ các cấp trung ương, tỉnh; triển khai các bản tin dự báo, cảnh báo đến nhân dân.

- Vị trí tâm bão, áp thấp nhiệt đới gần bờ: Tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới; cập nhật thông tin từ cập nhật thông tin từ các cấp trung ương, tỉnh. Các cơ quan được phân công rà soát, triển khai nhiệm vụ để chuẩn bị ứng phó với bão và áp thấp nhiệt đới.

b) Bão và áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào đất liền của tỉnh với rủi ro thiên tai cấp độ 3

- Các cơ quan, tổ chức được phân công triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong thời gian 24-48 giờ trước khi bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào đất liền.

- Tổ chức di dời, sơ tán dân khi bão, áp thấp nhiệt đới sắp đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh.

- Các cơ quan, tổ chức được phân công triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong thời gian bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào đất liền.

- Các cơ quan, tổ chức được phân công triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau bão và áp thấp nhiệt đới kết thúc.

c) Ứng phó với mưa lớn

- Thời điểm ứng phó: khi có dự báo lượng mưa từ 100-200mm trong 24 giờ hoặc từ 50-100mm trong 12 giờ kéo dài 1-2 ngày trong phạm vi dưới ½ số huyện, xã của tỉnh và khi có bản tin cảnh báo lốc, sét xảy ra trên phạm vi dưới ½ số huyện, xã của tỉnh và kèm theo cảnh báo lốc, sét với cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn kèm theo lốc, sét là cấp 1.

- Ứng phó với mưa lớn gây ngập lụt:

+ Giai đoạn trước mùa mưa: các cơ quan được phân công triển khai đánh giá, lập kế hoạch, nạo vét, sửa chữa, gia cố, nâng cấp các công trình thủy lợi xuống cấp; sẵn sàng các phương tiện, vật tư; chuẩn bị các địa điểm sơ tán, cấp nhật số hộ ở những vùng xung yếu...

+ Giai đoạn chuẩn bị khi có thông báo mưa lớn có khả năng ngập lụt: Các cơ quan, đơn vị thường xuyên theo dõi chặt chẽ, kịp thời tình hình thời tiết; triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

+ Giai đoạn ứng phó mưa lớn gây ngập lụt: các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh triển khai các nhiệm vụ đã được phân công.

+ Giai đoạn khắc phục: các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh triển khai các nhiệm vụ đã được phân công.

- Ứng phó với mưa lớn kèm theo lốc, sét với cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1: các cơ quan, đoàn thể triển khai các nhiệm vụ như ứng phó với mưa lớn gây ngập lụt ngoài ra triển khai một số các giải pháp phù hợp với thông báo lốc, sét có nguy cơ xảy ra trên địa bàn.

d) Ứng phó với lốc, sét; nắng nóng, hạn hán

- Ứng phó với lốc, sét:

+ Thời điểm ứng phó: Khi có bản tin dự báo lốc, sét trên địa bàn (các bản tin dự báo trước khoảng 03 giờ khi lốc, sét có khả năng xảy ra); thời gian xảy ra lốc, sét trên địa bàn thường bắt đầu trước hoặc trong mùa mưa bão.

+ Đối với lốc, sét xảy ra trong phạm vi hẹp, chưa có thiệt hại: UBND cấp xã tăng cường thông tin tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân chủ động ứng phó.

+ Lốc, sét xảy ra với cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1: UBND cấp huyện, xã triển khai ứng phó theo các nội dung chi tiết tại Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 14/12/2021.

- Ứng phó với nắng nóng, hạn hán:

+ Thời điểm ứng phó: Nắng nóng thường xảy ra từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

+ Triển khai ứng phó: các đơn vị, tổ chức được phân công thường xuyên theo dõi diễn biến của tình hình thời tiết, nắng nóng, hạn; triển khai các nhiệm vụ; xây dựng kế hoạch ứng phó.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Tổng kinh phí thực hiện: 2.428 tỷ đồng.

- Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

+ Nguồn ngân sách nhà nước (chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển) theo phân cấp hiện hành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

+ Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác.

+ Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

(có Phụ lục kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, các địa phương đề xuất, xây dựng cơ chế chính sách quản lý, điều hành, cơ chế phối hợp thực hiện Kế hoạch hành động, trình UBND tỉnh xem xét, ban hành.

- Xác định mục tiêu, xây dựng nhiệm vụ, tính toán kinh phí và đề xuất các giải pháp thực hiện để tổng hợp, bổ sung vào kế hoạch 5 năm, hàng năm trình UBND tỉnh; phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị kinh phí chi tiết, cân đối phân bổ nguồn lực cho các Sở, ngành, các địa phương và trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

- Hướng dẫn và hỗ trợ các Sở, ban, ngành, các địa phương trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch và trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở: Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan công bố các bản đồ liên quan đến biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Điều phối chung các hoạt động về thông tin, giáo dục và truyền thông liên quan đến biến đổi khí hậu.

- Hướng dẫn, giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các địa phương tham mưu UBND tỉnh rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đảm bảo lồng ghép các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu và đảm bảo liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh phân bổ vốn đầu tư công thực hiện các dự án vì mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu đúng theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công; Hướng dẫn các sở, ngành, địa phương sử dụng nguồn vốn đầu tư đúng mục đích và hiệu quả; Huy động các nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư cho các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với các Sở, ban, ngành, các địa phương bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

4. Các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã và thành phố

- Thực hiện các nhiệm vụ, dự án và các giải pháp đề ra trong Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ.

- Chủ động tham gia các hoạt động phối hợp chung theo bảng phân công thực hiện Kế hoạch.

- Đảm bảo sử dụng đúng mục tiêu và có hiệu quả nguồn vốn của Kế hoạch; đồng thời chủ động huy động thêm nguồn lực và lồng ghép hoạt động của Kế hoạch này vào các hoạt động liên quan thuộc chương trình, kế hoạch của ngành, địa phương, nhằm đạt được mục tiêu chung của Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạchKế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2022 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của UBND tỉnh; đề nghị các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả./.

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TỈNH TÂY NINH GIAI ĐOẠN 2022-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Kế hoạch hành động tại Quyết định số 1132 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Nguồn vốn
I	**Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách**						
1	Xây dựng bộ công cụ hỗ trợ ra quyết sách dựa trên tích hợp thông tin biến đổi khí hậu với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh	(1) Cập nhật tích hợp được thông tin khí hậu, thiên tai và biến đổi khí hậu với hiện trạng phát triển kinh tế xã hội trên nền tảng công nghệ số, big data và GIS. (2) Xây dựng được bộ công cụ cập nhật liên tục thông tin về biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh (3) Xây dựng được bộ công cụ hỗ trợ ra quyết sách phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	20.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX
2	Lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, định hướng đến năm 2050	(1) Xây dựng mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh đảm bảo thống nhất, đồng bộ với mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn Quốc gia, đáp ứng nhu cầu thu thập và cung cấp thông tin, số liệu điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh, phục vụ có hiệu quả cho công tác quản lý, đáp ứng được	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	5.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; Vốn ngân sách của Tỉnh

		yêu cầu cho công tác phòng chống thiên tai, dự báo cảnh bảo khí tượng thủy văn, ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế - xã hội bền vững (2) Tăng cường năng lực cho mạng lưới quan trắc, trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng hiện có theo hướng phân bố hợp lý phù hợp với điều kiện địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội của tỉnh; hoạt động ổn định, lâu dài đáp ứng đủ, kịp thời số liệu dự báo khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh					
3	Xây dựng, xác định các mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc địa bàn quản lý của tỉnh Tây Ninh	(1) Điều tra, đánh giá đặc điểm lũ, mức độ tác động của từng cấp mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ đến an toàn các công trình, dân sinh, kinh tế tại các vị trí sông suối thuộc địa bàn quản lý của tỉnh. (2) Xác định đặc điểm, độ lớn mực nước lũ và mức độ tác động của lũ lụt đến an toàn đê điều, bờ, bãi sông, công trình và dân sinh, kinh tế - xã hội trên các khu vực của tỉnh Tây Ninh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023	4.500	Vốn Đầu tư- Phát triển của Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX
4	Đánh giá tác động, tình trạng dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu, lồng ghép	(1) Xác định khu vực dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị	2022-2025	3.500	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh;

	nội dung ứng phó biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch	(2) Thực hiện hướng dẫn lồng ghép hiệu quả nội dung ứng phó biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch		xã, thành phố			CTMT ứng phó với BĐKH & TTX
5	Phân vùng địa hóa môi trường đất đá, đánh giá mức độ bóc mòn và bồi tụ trầm tích và dự báo ô nhiễm liên quan theo kịch bản biến đổi khí hậu phục vụ quy hoạch phát triển tỉnh Tây Ninh	Bước đầu xác định vùng địa chất, tài nguyên đất trong bối cảnh biến đổi khí hậu, từ đó phục vụ quy hoạch phát triển KT-XH tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	3.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX
6	Xây dựng đề án kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn đến năm 2025	Đạt các chỉ tiêu kiểm kê lần đầu về tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước, gồm: Lượng nước mặt; chất lượng nước mặt; chất lượng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; khai thác; xả nước thải vào nguồn nước	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	4.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX
7	Hỗ trợ kỹ thuật - đào tạo nguồn nhân lực trong ứng phó BĐKH và nâng cao nhận thức, hành động của cộng đồng trong ứng phó BĐKH	(1) Nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác về ứng phó với BĐKH và tăng cường khả năng lồng ghép, tích hợp yếu tố BĐKH trong các quy hoạch, kế hoạch ngành (2) Nâng cao nhận thức của cộng đồng, phấn đấu đạt chỉ tiêu đến năm 2025. 100% dân cư của tỉnh có hiểu biết, nhận thức về BĐKH (3) Nâng cao nhận thức và năng lực thực hiện Thỏa thuận Paris về BĐKH	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	6.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX; Hợp tác quốc tế
8	Triển khai thực hiện các hoạt động, giải pháp trọng tâm nhằm giảm nhẹ phát	Thực hiện giảm nhẹ phát thải KNK ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nhằm thực hiện NDC phù	Sở Nông nghiệp và	Các sở, ban ngành; UBND các	2022-2025	3.000	Vốn Sự nghiệp môi trường

	thải KNK lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn của Tỉnh nhằm thực hiện NDC.	hợp với điều kiện quốc gia trên cơ sở đánh giá nỗ lực toàn cầu định kỳ.	Phát triển nông thông	huyện, thị xã, thành phố			Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX; vốn hỗ trợ của Bộ NN&PTNT và các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
II	**Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực**						
1	Tuyên truyền, cung cấp thông tin đến các cơ sở sử dụng năng lượng về hiệu quả năng lượng, năng lượng tái tạo.	Tăng cường công tác tuyên truyền Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các văn bản pháp quy khác liên quan	Sở Công Thương	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	3.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX; các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
2	Tổ chức đào tạo tập huấn, tuyên truyền, phổ biến công tác phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu cho cán bộ các cấp trên địa bàn tỉnh	Nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác về ứng phó với BĐKH và tăng cường khả năng phòng chống thiên tai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	3.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX

3	Tổ chức thông tin, tuyên truyền về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu qua các hệ thống thông tin đại chúng	Nâng cao nhận thức của cộng đồng phòng chống về thiên tai, giúp 100% dân cư của tỉnh có hiểu biết, nhận thức cơ bản về BĐKH	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	2.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX
4	Xây dựng tài liệu, phổ biến kiến thức, kỹ năng về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu trong nhà trường	Tạo nền tảng tương lai nhận thức, đào tạo kỹ năng về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Từ đó bồi dưỡng thế hệ công dân tượng lai của tỉnh hiểu biết sâu về biến đổi khí hậu	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	2.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX; Nguồn chi thường xuyên cho Giáo dục đào tạo
5	Tăng cường năng lực cho học sinh trường THPT, THCS trên địa bàn tỉnh về vai trò của rừng phòng hộ đầu nguồn	Tăng lượng giáo dục ngoại khóa, lồng ghép trong chương trình chính khóa cho học sinh THPT, THCS các xã có rừng phòng hộ đầu nguồn từ đó bồi dưỡng một thế hệ công dân tương lai có hiểu biết về vai trò của rừng và có các biện pháp bảo vệ và phát triển rừng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	2.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX; Nguồn chi thường xuyên cho Giáo dục đào tạo

III	**Cập nhật và hệ thống hóa dữ liệu, số liệu biến đổi khí hậu, tăng cường công tác đầu tư công trình**						
1	Cập nhật, bổ sung phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh bao gồm các kịch bản phòng chống thiên tai	(1) Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (2) Các kịch bản phòng chống thiên tai (3) Chương trình tập huấn, tài liệu tập huấn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	10.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX; các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu phục vụ công tác quản lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(1) Cở sở dữ liệu khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu độ phân giải cao (bản đồ số) được xây dựng dựa trên kết hợp các nguồn số liệu (quan trắc, vệ tinh) có tính cập nhật thời gian thực (2) Hệ thống tích hợp dữ liệu KTTV, BĐKH với cơ sở dữ liệu các ngành KTXH trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (3) Hệ thống hỗ trợ ra quyết sách dựa trên công nghệ Big Data và IoT cho tỉnh Tây Ninh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	10.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX; các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
3	Xây dựng hệ thống tích hợp thông tin khí hậu và dự báo khí hậu với kinh tế - xã hội trên nền tảng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ hỗ trợ ra quyết sách ở tỉnh Tây Ninh	1. Thiết lập được hệ thống mô hình độ phân giải cao cung cấp sản phẩm dự báo khí hậu và cực đoan khí hậu trước từ 1 đến 6 tháng cho khu vực tỉnh Tây Ninh 2. Xây dựng thành công bộ dữ liệu lớn tích hợp thông tin khí hậu và dự báo khí hậu với thông tin KTXH tỉnh Tây Ninh 3. Thiết lập thành công ngưỡng tác động của khí hậu và cực đoan khí hậu đến các loại hình KTXH chính của tỉnh Tây Ninh trên nền tảng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	10.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX; các nguồn

		phân tích chỉ tiêu sinh khí hậu và công nghệ AI. 4. Thiết lập được hệ thống quản lý, phân tích và cung cấp thông tin cảnh báo và dự báo khí hậu, tác động và khuyến cáo phục vụ hỗ trợ ra quyết sách					tài trợ, hỗ trợ khác
4	Nghiên cứu xây dựng mô hình nông nghiệp thông minh với khí hậu (Climate Smart Agriculture - CSA) thích ứng với biến đổi khí hậu cho tỉnh Tây Ninh	1. Xác định được các tiêu chí CSA và mối quan hệ của tiêu chí với từng kịch bản BĐKH, các thông tin khí hậu, khí hậu nông nghiệp, thiên tai và các yếu tố thời tiết bất lợi trong sản xuất nông nghiệp 2. Đề xuất một số mô hình nông nghiệp thông minh với khí hậu (Climate Smart Agriculture CSA) cho tỉnh Tây Ninh 3. Xây dựng thử nghiệm một mô hình CSA với các quan trắc và điều khiển tự động nhằm giám sát và thích ứng nhanh nhất ảnh hưởng của thời tiết khí hậu, biến đổi khí hậu đến cây trồng, tiết kiệm nước, phân bón, thuốc trừ sâu và công chăm sóc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	10.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX; các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
5	Xây dựng đường cong IDF (cường độ - thời đoạn - tần suất) mưa lớn phục vụ công tác tính toán, thiết kế và quy hoạch phát triển đô thị ứng phó với ngập lụt trong bối cảnh biến đổi khí hậu tại tỉnh Tây Ninh	1. Xây dựng được bộ đường cong IDF trong quá khứ và theo các kịch bản BĐKH phục vụ công tác quản lý, thiết kế và quy hoạch phòng chống ngập lụt tỉnh Tây Ninh. 2. Tăng cường công tác ứng phó với BĐKH; đặc biệt là quy hoạch đô thị, khu công nghiệp ứng phó với ngập lụt đô thị	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	10.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX; các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
6	Lắp đặt, xây dựng hệ thống giám sát, quan trắc chuyên dùng phục vụ phòng chống thiên tai (tự động quan trắc mưa, mực nước, thiết bị giám sát, cảnh báo ở các	Hệ thống cảnh báo sớm nguy cơ xảy ra thiên tai đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân khu vực thường xuyên bị ngập sâu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	10.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó

	khu vực thường xuyên bị ngập sâu…)						với BĐKH & TTX; các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
7	Xây dựng đề xuất cắm biển cảnh báo tại các khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở	Cảnh báo sạt lở đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	2.000	Vốn Sự nghiệp kinh tế của Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX; các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
8	Phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(1) Xác định, đánh giá mức độ rủi ro đối với các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh (2) Phân vùng rủi ro thiên tai, theo dõi, giám sát, dự báo, cảnh báo tác động thiên tai của cơ quan, đơn vị có liên quan, đáp ứng yêu cầu của xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	3.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX; các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
9	Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất giải pháp quản lý phát thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Kiểm kê phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh nhằm đánh giá hiện trạng tình hình phát thải khí nhà kính trong 5 lĩnh vực phát thải chính từ đó làm cơ sở để đưa ra các hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, chủ động ứng phó BĐKH, tăng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2023	3.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH

		cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, thực hiện đúng chiến lược tăng trưởng xanh tỉnh Tây Ninh đến năm 2025 định hướng đến năm 2030					& TTX; các nguồn tài trợ, hỗ trợ khác
10	Đề án "Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025"	(1) Thực hiện có hiệu quả Đề án "Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025" theo Quyết định số 524/QĐ-TTg; tiếp tục duy trì và phát triển phong trào trồng cây mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khởi xướng, tạo thành một nét đẹp truyền thống của dân tộc. (2) Tận dụng triệt để quỹ đất còn trống để trồng cây xanh tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp; đẩy mạnh trồng cây phân tán và trồng rừng tập trung nhằm nâng cao chất lượng và tăng độ che phủ, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, cải thiện cảnh quan và ứng phó với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	2.500	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX
11	Quản lý, giám sát nguy cơ và phòng chống cháy rừng		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	3.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX
12	Áp dụng mô hình chuyển đổi nhiên liệu và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, thân thiện môi	Chuyển đổi việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch bằng nguồn năng lượng tái tạo	Sở Công Thương	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị	2022-2025	3.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT

	trường, giảm nhẹ biến đổi khí hậu			xã, thành phố			ứng phó với BĐKH & TTX
13	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(1) Tiếp tục bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh (2) Nâng cao chất lượng rừng tại các diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng bằng các hoạt động trồng và nuôi dưỡng làm giàu rừng, bảo vệ rừng nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm hiệu ứng nhà kính và sự nóng lên của khí hậu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	12.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX
14	Xây dựng hệ thống giám sát, dự báo hạn hán, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	Hoàn thiện nâng cấp hệ thống mạng lưới trạm khí tượng thủy văn, cung cấp số liệu đáp ứng nhu cầu sử dụng cho công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	4.500	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX
15	Nước sạch và Vệ sinh nông thôn bền vững và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh	1) Xây mới công trình cấp nước sinh hoạt liên xã, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (06 xã: Mỏ Công, Trà Vong, Tân Phong, Tân Bình, Tân Lập, Thạnh Tây) (2) Xây mới công trình cấp nước sinh hoạt liên xã huyện Châu Thành và Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (10 xã: Ninh Điền, Thành Long, Hòa Thạnh, Hòa Hội, Long Vĩnh huyện Châu Thành và xã: Long Phước, Long Giang, Long Chữ, Long Khánh, Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện: Tân Biên, Châu Thành, Bến Cầu,	2022-2025	420.000	Vốn Sự nghiệp môi trường Tỉnh; CTMT ứng phó với BĐKH & TTX; xã hội hóa và các vốn tài trợ khác

16	Nâng cấp hệ thống thoát nước kênh tiêu ở một số khu vực trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Nạo vét 08 tuyến kênh tiêu: kênh tiêu xã Tân Lập; kênh tiêu Tân Hiệp; rạch Bảo từ sông Vàm Cỏ Đông đến cầu Thúc Múc; kênh tiêu suối Nước Đục; kênh Đìa Xù từ cầu Đìa Xù đến giáp rạch Bảo; kênh tiêu T12-17; kênh tiêu Bàu Rong-Gia Bình, kênh tiêu Biên Giới; sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Tha La	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, BQLDA đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tây Ninh	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	490.000	Vốn sự nghiệp kinh tế của tỉnh, và các vốn tài trợ khác
IV	**Phát triển, Ứng dụng khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế**						
1	Khoanh vùng nông nghiệp hữu cơ tỉnh Tây Ninh	(1) Xác định và phân vùng được khu vực thuận lợi cho phát triển nông nghiệp hữu cơ (2) Đề xuất giải pháp thực hiện phù hợp với điều kiện của tỉnh Tây Ninh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	3.000	Vốn Khoa học công nghệ, vốn sự nghiệp kinh tế, CTMT ứng phó với BĐKH & TTX
2	Xác định và khoanh vùng khu vực thuận lợi phát triển cây trồng chính, cây trồng chủ lực và cây trồng mới có giá trị cạnh tranh phù hợp với điều kiện tỉnh Tây Ninh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và ứng phó với biến đổi khí hậu	(1) Xác định và phân vùng được khu vực thuận lợi phát triển cây trồng chính, cây trồng chủ lực và cây trồng mới có giá trị cạnh tranh phù hợp với điều kiện tỉnh Tây Ninh (2) Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu số GIS (3) Xác định và đề xuất các giải pháp phát triển ngành trồng trọt ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	5.000	Vốn Khoa học công nghệ, vốn sự nghiệp kinh tế, CTMT ứng phó với BĐKH & TTX
3	Phát triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh	Xây dựng hạ tầng thủy lợi, giao thông phục vụ phát triển nông nghiệp thông minh huyện Tân Châu, huyện Dương Minh Châu với nhiệm vụ:	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường;	2022-2025	1.402.000	Vốn sự nghiệp kinh tế, CTMT

		tưới tiêu nước cho 8.283 ha để phục vụ phát triển và chuyển đổi cây trồng thành vùng chuyên canh cây ăn quả		UBND huyện Tân Châu, Dương Minh Châu			ứng phó với BĐKH & TTX
4	Xây dựng đề án vận động các nguồn lực nước ngoài nhằm hỗ trợ giám sát môi trường đô thị, khí hậu đô thị cho sự phát triển của tỉnh Tây Ninh	Tăng cường công tác giám sát chất lượng môi trường và bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển đô thị hóa trên địa bàn tỉnh	Sở Ngoại vụ	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	2.000	CTMT ứng phó với BĐKH & TTX, vốn tài trợ quốc tế
5	Chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu	(1) Phát triển sản xuất nông nghiệp với các loại giống cây trồng có năng suất cao, thích ứng với biến đổi khí hậu. (2) Phát huy giống cây trồng bản địa phù hợp với thiên tai nhằm không mất đi đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	2.000	Vốn sự nghiệp kinh tế, CTMT ứng phó với BĐKH & TTX